

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2018/KDTM-PT**

Ngày: 26-01-2018

V/v tranh chấp hợp đồng giao nhận
thầu xây lắp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Thẩm phán:

Bà Chu Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 1 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/KTPT ngày 16 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng giao nhận thầu xây lắp.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐ-HPT ngày 11 tháng 1 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư ĐP

Trụ sở: số 5/45 đường P Đ P, phường Q T, quận B Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị K T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn X B (theo giấy ủy quyền số 86/UQ-VCIC ngày 28/11/2017 của bà Đoàn Thị K T, giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư ĐP). Ông B có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

Tổng Công ty công nghiệp T T

Trụ sở: số 172 N K, phường G V, quận B Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Thành Đ, chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ánh N (theo giấy ủy quyền số 2340/UQ-CNT ngày 19/12/2017 của ông Cao Thành Đ, quyền giám đốc Tổng Công ty công nghiệp T T)

Bà N có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và án sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đ P trình bày:

Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đ P (trước đây là Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư V- sau đây gọi tắt là Công ty Đ P và Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy B K (sau đây gọi tắt là Công ty B K) đã ký kết hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp công trình số 10/HĐ ngày 15/11/2004 để thi công gói thầu số 4 Bãi lắp ráp đường nội bộ; hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp số 121/HĐ ngày 21/12/2007 để thi công gói thầu số 13 đường cần trục chân đế 50 tấn.

Sau khi hai bên thực hiện xong hợp đồng, Công ty B K đã nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng, căn cứ quyết toán công trình hiện Công ty B K còn nợ Công ty Đ P số tiền là 3.182.982.000 đồng. Mặc dù Công ty Đ P đã nhiều lần đề nghị thanh toán công nợ nêu trên nhưng Công ty B K vẫn chưa thanh toán.

Theo Hợp đồng sáp nhập số 1194/HĐSN- CNT ngày 16/5/2014, Công ty B K đã chuyển giao cho Tổng Công ty Công nghiệp TT (sau đây gọi tắt là SB) và SB nhận kế thừa toàn bộ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty B K. Ngày 24/12/2014, SB đã thay đổi đăng ký kinh doanh với nội dung: Nhận sáp nhập Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy B K.

Công ty Đ P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Tổng công ty công nghiệp TT (SB) phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đ P số tiền nợ gốc là 3.182.982.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 81 Luật xây dựng, Điều 26 khoản 2 Nghị định 48/NĐ-CP ngày 07/05/2010 với mức lãi suất tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải (là nơi Công ty Đ P mở tài khoản) với mức lãi suất cho vay là 11,95% /năm và lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trên. Thời điểm tính lãi bắt đầu từ ngày nghiệm thu quyết toán công việc đến khi thanh toán hết tiền gốc. Cụ thể đối với hợp đồng số 10/HĐ ngày 15/11/2004 tiền nợ gốc là 2.388.849.068 đồng, tiền nợ lãi tạm tính từ ngày quyết toán là 12/5/2009 đến 30/12/2016 là 4.038.723.776 đồng. Đối với hợp đồng số 121/HĐ ngày 21/12/2007, tiền nợ gốc là 794.132.714 đồng, tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 30/11/2013 đến ngày 30/12/2016 là: 438.907.224 đồng.

- Bị đơn là Tổng Công ty công nghiệp TT (SB) trình bày:

SB xác nhận có khoản nợ số tiền là 3.182.982.000 đồng của Công ty B K với Công ty Đ P theo Hợp đồng số 10/HĐ ngày 15/11/2004 thi công gói thầu số 4 lắp ráp đường nội bộ và Hợp đồng số 121/HĐ ngày 21/12/2007 thi công gói thầu số 13 đường cần trục chân đế 50 tấn được ký bởi Công ty Đ P và Công ty B K. Theo Hợp đồng sáp nhập số 1194/HĐSN- CNT ngày 16/5/2014, Tổng Công ty công nghiệp TT nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy B K và kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B K.

Hợp đồng kinh tế số 10/HĐ ngày 15/11/2004 các bên không thỏa thuận về việc phạt do chậm thanh toán nên SB không đồng ý với yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của Công ty Đ P; Đối với Hợp đồng số 121/HĐ ngày 21/12/2007 các bên có thỏa thuận về tính lãi theo quy định của ngân hàng, các phiên hòa giải tại tòa SB nhất trí việc áp dụng mức lãi suất do ngân hàng nơi Công ty Đ P mở tài khoản để làm căn cứ tính tiền phạt do chậm thanh toán. Nhưng tại “Bản tự khai” ngày 25/08/2017 SB đã thay đổi với lý do tại thời điểm ký hợp đồng Nghị định 48/NĐ-CP ngày 21/12/2010 chưa có hiệu lực pháp luật và sau đó các bên không có thỏa thuận bổ sung. Do đó, không có căn cứ để Công ty Đ P áp dụng Nghị định 48/NĐ-CP để yêu cầu SB phải trả lãi theo lãi suất tại nơi Công ty Đ P có mở tài khoản là Ngân hàng Hàng Hải. Việc tính lãi sẽ được tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định theo Quyết định 2869/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm.

Do trong thời gian này SB gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng thanh toán khoản nợ theo yêu cầu của Công ty Đ P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 15/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đ P đối với Tổng Công ty công nghiệp TT.

2. Buộc Tổng Công ty công nghiệp TT phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đ P tổng số tiền tính đến ngày 11/09/2017 là 8.058.412.434 đồng gồm: Nợ gốc là 3.182.982.000 đồng; Tiền phạt do chậm thanh toán là 4.857.588.718 đồng .

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với án sơ thẩm, ngày 20/9/2017, Tổng Công ty công nghiệp TT có đơn kháng cáo cho rằng: Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã áp dụng quy định tại Điều 42 khoản 2 điểm d Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng để buộc SB phải trả lãi cho Công ty Đ P theo lãi suất của Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam- nơi Công ty Đ P mở tài khoản (lãi suất cơ bản 11,95%/năm và lãi suất quá hạn 17,925%/năm) là không đúng. Bởi lẽ tại thời điểm hai bên ký kết 02 hợp đồng số 10/HĐKT ngày 15/11/2004 và số 121/HĐKT ngày 21/12/2007 thì Nghị định 48/2010/NĐ-CP chưa có hiệu lực pháp luật (Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2010) và sau đó các bên không có thỏa thuận bổ sung về luật áp dụng hoặc lãi suất áp dụng trong trường hợp chậm thanh

toán. Tại thời điểm Công ty Đ P khởi kiện (ngày 23/11/2016), Nghị định 48/2010/NĐ-CP đã hết hiệu lực pháp luật (Nghị định này hết hiệu lực ngày 23/11/2016). Do đó, việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình căn cứ vào văn bản pháp luật (Nghị định 48/2010/NĐ-CP) đã hết hiệu lực pháp luật để giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của SB. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên hủy bản án sơ thẩm ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn là Công ty Đ P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX phúc thẩm y án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

- Bị đơn là Tổng Công ty công nghiệp TT vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm số 15/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế để giải quyết lại từ đầu.

Theo Điều 7.5 Hợp đồng số 121/HĐKT ngày 21/12/2007 các bên thống nhất: Công ty TNHH Nhà nước MTV B K sẽ thanh toán hết cho Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư V (nay là Công ty Đ P) 5% giá trị hợp đồng còn lại sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán và tổng dự toán gói thầu của cấp có thẩm quyền. Đến thời điểm hiện tại, các bên chưa trình Tổng công ty Công nghiệp TT phê duyệt quyết toán gói thầu nói trên. Vì vậy, trường hợp Quý tòa vẫn buộc SB phải thanh toán cả gốc, lãi cho Công ty xây dựng theo Đơn khởi kiện thì đề nghị không tính tiền gốc, lãi tương ứng với 5% giá trị hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm:

* *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* *Về nội dung:* về nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm vi phạm pháp luật khi áp dụng Nghị định 48 là không có căn cứ. Tòa án sơ thẩm đã áp dụng đúng pháp luật và đúng quy định tại Nghị định 37 ngày 22/4/2015 của Chính Phủ thay thế cho Nghị định 48. Đối với yêu cầu không tính tiền gốc, lãi tương ứng với 5% giá trị hợp đồng đưa ra sau khi kháng cáo nên không có căn cứ xem xét. Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe các bên đương sự tranh tụng, trình bày và tranh luận, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị đơn là Tổng Công ty công nghiệp TT làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

*** Về nội dung:**

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Công ty Đ P (trước đây là Công ty CP xây dựng và đầu tư V) và Công ty B K có ký hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT ngày 15/11/2004 để thi công gói thầu số 4 Bãi lắp ráp đường nội bộ và hợp đồng số 121/HĐKT ngày 21/12/2007 để thi công gói thầu số 13 đường cần trục chân đế 50 tấn. Lần chốt nợ cuối cùng giữa Công ty Đ P và Công ty B K đối với Hợp đồng số 10/HĐKT ngày 15/11/2004 là ngày 15/10/2013; đối với hợp đồng số 121/HĐKT ngày 21/12/2007 là ngày 30/11/2013. Ngày 16/5/2014 Công ty B K sáp nhập về SB theo Hợp đồng sáp nhập số 1194/HĐSN-CNT, theo đó SB nhận kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty B K. Ngày 24/12/2014, SB đã thay đổi đăng ký kinh doanh với nội dung: “nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV công nghiệp tàu thủy B K”

Tại Công văn số 1507/CNT-TCKT ngày 27/07/2016 của SB gửi Công ty Đ P có nêu “Về việc thanh toán công nợ: SB đang thực hiện tái cơ cấu ,tình hình tài chính khó khăn, không có nguồn để thanh toán công nợ, SB đang báo cáo và đề xuất với các cấp có thẩm quyền phương án xử lý các khoản nợ của Công ty B K với các nhà thầu nhưng chưa được phê duyệt. Vì vậy, SB đề nghị Quý Công ty hợp tác, hỗ trợ, chia sẻ khó khăn với SB trong quá trình tái cơ cấu”. SB cũng xác nhận còn nợ Công ty Đ P số tiền của 2 hợp đồng trên là 3.182.982.000 đồng nhưng do khó khăn nên đến nay chưa thanh toán được.

SB cho rằng Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã áp dụng quy định tại Điều 42 khoản 2 điểm d Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng để buộc SB phải trả lãi cho Công ty Đ P theo lãi suất của Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam- nơi Công ty Đ P mở tài khoản (lãi suất cơ bản 11,95%/năm và lãi suất quá hạn 17,925%/năm) là không đúng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT ngày 15/11/2004 về việc thi công gói thầu số 4 bãi lắp ráp đường nội bộ và Hợp đồng kinh tế số 121/HĐ ngày 21/12/2007 về việc thi công gói thầu số 13 đường cần trục chân đế đều đã được các bên nghiệm thu, quyết toán, đưa vào sử dụng và thanh lý hợp đồng. Theo quy định tại Điều 81 Luật xây dựng năm 2003; Điều 26; Điều 42 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 thì bên giao thầu thi công xây dựng có nghĩa vụ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán đúng thời hạn theo quy định thanh toán cho bên nhận thầu; bên giao thầu chậm thanh toán thì phải bồi thường cho bên nhận thầu lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại mà bên nhận thầu mở tài khoản.

Trong vụ án này, Công ty Đ P có mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB). Lãi suất cho vay của Ngân hàng MSB vào thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 9/2017) là 8,45% + biên độ 3,5 % = 11,95%/năm. Lãi suất quá hạn là 11,95% x 150% = 17,925%. Thời điểm tính lãi đối với hợp đồng số 10/HĐ ngày 15/11/2004 tính từ ngày quyết toán là 12/5/2009, số tiền phạt do chậm thanh toán là 4.337.274.819 đồng, đối với hợp đồng số 121/HĐ ngày 21/12/2007 tính từ ngày

30/11/2013, số tiền phạt do chậm thanh toán là 538.155.615 đồng. Tổng cộng tiền lãi: 4.875.430.434 đồng.

Mức lãi suất quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu 150% là không cao hơn mức luật và nghị định cho phép nên Tòa án cấp sơ căn cứ quy định tại Điều 81 Luật xây dựng năm 2003; Điều 26; Điều 42 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 buộc bị đơn phải trả lãi chậm trả là có căn cứ, cần giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm. Điều này cũng phù hợp với nhận định của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay.

Đối với yêu cầu trình bày bổ sung về việc bị đơn căn cứ vào Điều 7.5 của Hợp đồng số 121/HĐKT ngày 21/12/2007 quy định về việc Công ty B K sẽ thanh toán hết cho Công ty V (nay là Công ty Đ P) 5% giá trị hợp đồng còn lại sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán và tổng dự toán gói thầu của cấp có thẩm quyền. Nhưng đến thời điểm hiện tại, các bên chưa trình SB phê duyệt quyết toán gói thầu nói trên. Vì vậy, đề nghị Tòa án không tính tiền gốc, lãi tương ứng với 5% giá trị hợp đồng là vượt quá phạm vi kháng cáo của bị đơn nên Tòa án không chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

Căn cứ Điều 3, Điều 81 Luật xây dựng năm 2003;

Căn cứ Điều 26, Điều 42 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Tổng Công ty công nghiệp TT.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình và xử như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đ P đối với Tổng Công ty công nghiệp TT.

2. Buộc Tổng Công ty công nghiệp TT phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đ P tổng số tiền tính đến ngày 11/09/2017 là: 8.058.412.434 (*Tám tỷ không trăm năm mươi tám triệu bốn trăm mười hai nghìn bốn trăm ba tư*) đồng, trong đó: nợ gốc: 3.182.982.000 (*Ba tỷ một trăm tám mươi hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn*) đồng; tiền lãi chậm thanh toán: 4.857.588.718 (*Bốn tỷ tám trăm năm mươi bảy triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm mười tám*) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: Tổng Công ty công nghiệp TT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 116.058.412 (*Một trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm mười hai nghìn*) đồng. Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Đ P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.000.000 (*Năm mươi bảy triệu*) đồng theo biên lai số 0008892 ngày 24/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

- Án phí phúc thẩm: Tổng Công ty công nghiệp TT phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 07729 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/1/2018.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TKT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tiến